



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 37

Ngày 30 tháng 05 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 82/2024/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La	5
------------	--	---

UBND TỈNH

17/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 08/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	7
------------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 319/NQ-HĐND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	9
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 320/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án di chuyển đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình	11
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 321/NQ-HĐND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc	14

16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 322/NQ-HĐND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La	16
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 323/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2 + 327 m - Km 7 + 527 m), thành phố Sơn La	18
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 324.NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 13)	20
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 325/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Tiểu dự án 2, Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	27
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 326/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La	32
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 327/NQ-HĐND về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5, Điều 8, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ	34
16/05/2024	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 328/NQ-HĐND về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại IV	37

UBND TỈNH

09/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 838/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	44
------------	---	----

14/05/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 864/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (10/10/1895 - 10/10/2025)	47
15/05/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 874/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chung Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2035	57
16/05/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 879/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024	74
22/05/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 926/QĐ-UBND về việc ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Sơn La	80

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản
đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám
bệnh, chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với Nhân viên y tế
thôn, bản; Cô đỡ thôn, bản;*

*Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh
Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 723/BC-VHXXH ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Ban
Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ túi y tế cho các bản đặc biệt khó khăn
trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh được cấp có
thẩm quyền công nhận.

2. Mức hỗ trợ

- Bản trên 150 hộ: 3,5 triệu đồng/bản/năm;
- Bản từ trên 100 hộ đến 150 hộ: 3,0 triệu đồng/bản/năm;
- Bản từ 50 hộ đến 100 hộ: 2,5 triệu đồng/bản/năm;
- Bản dưới 50 hộ: 2,0 triệu đồng/bản/năm.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.**Điều 2. Tổ chức thực hiện****1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.**

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành**1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.**

2. Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ túi thuốc y tế cho các bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 328/TTr-SNV ngày 08 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 3 Quyết định số 41/2021/QĐ-

UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La như sau:

“Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ

2. Các phòng chuyên môn và tương đương

a) Phòng Tổ chức cán bộ;

b) Phòng Xây dựng chính quyền;

c) Phòng Cải cách hành chính;

d) Phòng Tôn giáo;

e) Phòng Thi đua, khen thưởng;

f) Văn phòng;

g) Thanh tra.”

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2024.

2. Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 319/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng
Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 25 ngày 4 tháng 2024 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa), với nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa).

2. Mục tiêu đầu tư

Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; tạo kết nối giao thông liên vùng được thuận lợi, phá thế độc đạo Quốc lộ 37, rút ngắn khoảng cách di chuyển, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân trong việc đi lại, giao lưu, trao đổi hàng hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh giữa 2 huyện Yên Châu và Bắc Yên nói riêng và của tỉnh Sơn La nói chung.

3. Phạm vi đầu tư

- Điểm đầu: Kết nối với đường Chu Văn An (thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu).

- Điểm cuối: Kết nối với QL.37 khu vực cầu Tạ Khoa (xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên).

- Chiều dài tuyến: Khoảng 34 Km (chiều dài thực tế sẽ được chuẩn xác trong quá trình triển khai bước tiếp theo).

4. Quy mô đầu tư

Xây dựng hướng tuyến, bình đồ, trắc dọc theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi có chêm chước, các chỉ tiêu kỹ thuật khác đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054 - 2005), với: bề rộng nền đường tối thiểu $B_n = 6,5$ m; bề rộng mặt đường tối thiểu $B_m = 3,50$ m; bề rộng lề đường $B_L = 2 \times 1,5$ m = 3,0 m (gia cố mỗi bên tối thiểu 1,0 m kết cấu như kết cấu áo đường); đoạn tuyến trong phạm vi đô thị (nếu có) xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Công trình trên tuyến xây dựng vĩnh cửu và phù hợp với quy mô của tuyến đường; hệ thống an toàn giao thông và các hạng mục phụ trợ khác xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

6. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 700.000 triệu đồng.

7. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh		
	Tổng số	Trong đó:	
		Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Năm 2025	175.000	10.000	165.000
Năm 2026 - 2028	525.000	525.000	
Tổng cộng	700.000	700.000	

8. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Yên Châu và huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2028.

10. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2024: Chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2025 - 2028: Thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 320/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án di chuyển đường dây
110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XV về thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án di chuyển đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Di chuyển đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hòa Bình.

2. Mục tiêu đầu tư: Tạo mỹ quan đô thị và đảm bảo an toàn hệ thống điện để triển khai các công trình xây dựng trên tuyến đường dây 110kV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình; đi qua vùng lõi các quy hoạch xây dựng khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh cho khu vực.

3. Quy mô đầu tư:

Di chuyển từ vị trí cột 243 đường dây 171 E17.1 Mộc Châu – 173 A17.41 To Buông đến ngăn lộ 171 E17.1 Mộc Châu và từ ngăn lộ 172 E17.1 Mộc Châu đến vị trí cột 345 đường dây 172 E17.1 Mộc Châu – 172 E19.6 Mai Châu (Vị trí cột sau vị trí cột đầu nối vào thủy điện Tát Ngoẵng xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu - đến vị trí cột 345 tuyến đường dây 172 E17.1 Mộc Châu - 172 E19.6 Mai Châu) với tổng chiều dài **khoảng 37,440 km**, bao gồm:

- Xây dựng tuyến ĐZ 110 kV mạch đơn từ vị trí cột 243 đường dây 171 E17.1 Mộc Châu - 173 A17.41 To Buông đến vị trí cột 345 đường dây 172 E17.1 Mộc Châu - 172 E19.6 Mai Châu (tuyến chính), chiều dài **khoảng 36,014 km**.

- Xây dựng tuyến ĐZ 110 kV mạch kép nhánh rẽ từ vị trí VT73 tuyến chính đến TBA 110kV Mộc Châu, chiều dài **khoảng 1,426 km**.

4. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

5. Tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 168 tỷ đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

Phân kỳ đầu tư sử dụng vốn theo thời gian, dự kiến bố trí vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh		
	Tổng số	Trong đó:	
		Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Năm 2025	42.000	10.000	32.000
Năm 2026 - 2028	126.000	126.000	
Tổng cộng	168.000	168.000	

7. Địa điểm thực hiện dự án: Tại 07 xã thuộc 02 huyện Vân Hồ, Mộc Châu của tỉnh Sơn La (**gồm các xã: Lóng Luông, Vân Hồ, Chiềng Khoa huyện**

Vân Hồ và các xã Phiêng Luông, Mường Sang, Chiềng Hắc, Thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu).

8. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2028.

9. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2024: Chuẩn bị đầu tư.
- Năm 2025 - 2028: Thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 321/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường
Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25 ngày 4 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra
số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc với nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc.

2. Mục tiêu đầu tư

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, hướng tới hoàn thiện tiêu chí đô thị loại I, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Sơn La.

3. Phạm vi, quy mô đầu tư

- Phạm vi: Điểm đầu từ đường Lê Đức Thọ (Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh), điểm cuối giao với đường Đặng Thai Mai.

- Quy mô: Đầu tư xây dựng tuyến đường đô thị, cấp II, chiều dài khoảng 2,5 Km, bề rộng nền đường $B_n = 18,5 \text{ m} \div 20,5 \text{ m}$, bề rộng mặt đường $B_m = 10,5 \text{ m}$, bề rộng hè phố $B_h = 4,0 \text{ m} \div 5,0 \text{ m}$, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống đảm bảo an toàn giao thông và các hạng mục khác.

4. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 135.000 triệu đồng.

6. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Về cân đối vốn:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Khoảng 35 tỷ đồng, từ số vốn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 11).

+ Giai đoạn 2026 - 2030: Khoảng 100 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 để bố trí vốn thực hiện dự án.

- Dự kiến nguồn kinh phí và khả năng bố trí vốn cho dự án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh		
	Tổng số	Trong đó:	
		Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Năm 2025	35.000	10.000	25.000
Năm 2026 - 2028	100.000	100.000	
Tổng cộng	135.000	135.000	

7. Phạm vi, địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2028.

9. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2024: Chuẩn bị đầu tư dự án.

- Năm 2025 - 2028: Thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 322/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo,
nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 25 ngày 4 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra
số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số
tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La, như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn
thành phố Sơn La.

2. Mục tiêu đầu tư

Chỉnh trang đô thị, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị sáng - xanh -
sạch - đẹp, góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị thành phố Sơn La.

3. Phạm vi, quy mô đầu tư

- Phạm vi: Thực hiện nâng cấp, lát vỉa hè; thay thế, bổ sung bó vỉa bồn cây,
nạo vét sửa chữa rãnh dọc và một số hạng mục khác 04 tuyến: Đường Trần Đăng
Ninh - đến hết đường Lê Duẩn; đường Cách mạng tháng 8; đường Thanh niên;
đường Lê Đức Thọ.

- Quy mô: Tổng chiều dài tuyến khoảng 14,2 km (Tuyến số 1: Từ đầu đường
Trần Đăng Ninh - đến hết đường Lê Duẩn với chiều dài khoảng 11,5 km; Tuyến số
2: đường Cách mạng tháng 8 với chiều dài khoảng 0,4 km; Tuyến số 3: đường

Thanh niên với chiều dài 0,4 km; Tuyến số 4: Đường Lê Đức Thọ với chiều dài khoảng 1,9 km).

4. Phạm vi, địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

5. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: Khoảng 108.000 triệu đồng.

7. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

- Về cân đối vốn:

+ Giai đoạn 2021 - 2025 là 30.000 triệu đồng (từ số vốn chưa phân bổ tại Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương - đợt 11).

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 78.000 triệu đồng.

- Dự kiến nguồn kinh phí và khả năng bố trí vốn cho dự án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh		
	Tổng số	Trong đó:	
		Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
Năm 2025	30.000	10.000	20.000
Năm 2026 - 2028	78.000	78.000	
Tổng cộng	108.000	108.000	

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2028.

9. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2024: Chuẩn bị đầu tư.

- Năm 2025 - 2028: Thực hiện dự án, quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 323/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2 + 327 m – Km 7 + 527 m), thành phố Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 08 ngày 5 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2 + 327 m - Km 7 + 527 m), thành phố Sơn La, như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngần (đoạn Km 2 + 327 m – Km 7 + 527 m), thành phố Sơn La.

2. Quy mô đầu tư sau điều chỉnh của tuyến chính

“a) Tuyến chính: Đoạn Chiềng Sinh - Chiềng Ngần

- Thiết kế bề rộng nền đường Bn = 36,0 m theo quy hoạch được duyệt.

- Mặt đường: Bên phải tuyến những đoạn đường BTXM đã xây dựng mà còn tốt, phù hợp với quy hoạch thì tận dụng, cạp mở rộng thêm mặt đường bình quân rộng 2,0 m để đảm bảo chiều rộng mặt đường tối thiểu 5,5 m bằng BTXM, những vị trí mặt đường cũ bị hư hỏng nặng (nếu có) thì tiến hành sửa chữa, bên trên lớp mặt đường thảm lớp BTN dày trung bình 7 cm; bên trái tuyến xây dựng mới mặt đường rải bê tông nhựa rộng 5,5 m; dải phân cách giữa và hè phố hai bên đường chưa xây dựng kết cấu hoàn chỉnh theo quy hoạch.

- Công trình thoát nước: Đối với công trình thoát nước ngang đường xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch; thoát nước rãnh dọc xây dựng rãnh hở hình thang bằng BTXM.

- Hệ thống an toàn giao thông và các hạng mục phụ trợ khác xây dựng đảm bảo theo quy định.

- Trồng cây xanh dải phân cách.”

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: Khoảng 130.000 triệu đồng.

4. Cơ cấu nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án sau điều chỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng
1	Năm 2024 - 2025	60.000	60.000
2	Năm 2026 - 2027	70.000	70.000
	Tổng cộng	130.000	130.000

- Giai đoạn 2024 - 2025: Dự kiến cân đối bố trí 60.000 triệu đồng, gồm: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh 30.000 triệu đồng; nguồn thu từ đất 30.000 triệu đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2027: Dự kiến bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 từ nguồn ngân sách tỉnh 70.000 triệu đồng.

5. Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh: Năm 2024 - 2027.

6. Tiến độ thực hiện sau điều chỉnh:

- Năm 2024: Chuẩn bị dự án, thực hiện dự án.

- Năm 2025 - 2027: Thực hiện dự án, hoàn thành và quyết toán dự án.

7. Các nội dung khác

Không điều chỉnh, thực hiện theo Nghị quyết số 286/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của HĐND tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 324/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 13)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14;*

*Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 25 ngày 4 tháng 2024; Báo cáo thẩm tra
số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 13), như sau:

- Tổng vốn phân bổ: 401.137 triệu đồng. Trong đó:
 - Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 139.137 triệu đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 262.000 triệu đồng
- Phương án phân bổ:
 - Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 139.137 triệu đồng thực hiện đối ứng 01 dự án ODA, 01 dự án đang triển khai cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 và khởi công mới 07 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Phân bổ chi tiết 262.000 triệu đồng thực hiện 01 dự án đang triển khai cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 và khởi công mới 04 dự án theo chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 324/NQ-HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	
			Dự kiến tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TB: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh		
			Số, ngày, tháng, năm	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	1.475.838	45.000	17.750	139.137
I	Đối ứng dự án ODA			970.500	209.200	5.000	5.000	3.500
1	Dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La	Ban quản lý các dự án ODA tỉnh	157/NQ-HĐND ngày 10/01/2023	970.500	209.200	5.000	5.000	3.500
II	Thực hiện dự án			1.266.638	1.266.638	40.000	12.750	135.637
*	Nông lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản			130.000	130.000	40.000	12.750	70.000
1	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND huyện Sốp Cộp	202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; 1939 ngày 28/9/2023	110.000	110.000	40.000	12.750	50.000

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh	
2	Dự án thanh thải, nạo vét lòng suối Nậm La, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	688 ngày 13/4/2024	20.000	20.000		20.000
*	Công nghiệp			168.000	168.000		10.000
1	Dự án Di chuyển đường dây 110KV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình		320/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	168.000	168.000		10.000
*	Giao thông			960.000	960.000		47.000
1	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)		319/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	700.000	700.000		10.000
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La		322/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	108.000	108.000		10.000
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc		321/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	135.000	135.000		10.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TĐ: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La	UBND thành phố	777 ngày 26/4/2024	17.000	17.000		17.000	
*	Y tế			8.638	8.638		8.637	
1	Dự án đầu tư mua sắm, nâng cấp hạ tầng CNTT thuộc Đề án triển khai Mô hình Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	694 ngày 15/4/2024	8.638	8.638		8.637	

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 324/NQ-HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư /Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
	TỔNG SỐ			1.221.000	1.221.000	1.221.000	40.000	262.000
I	Nông lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản			110.000	110.000	110.000	40.000	20.000
1	Dự án Kè chống sạt lở khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	UBND huyện Sốp Cộp	202/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; 1939 ngày 28/9/2023	110.000	110.000	110.000	40.000	20.000
II	Công nghiệp			168.000	168.000	168.000		32.000
1	Dự án Di chuyển đường dây 110KV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình		320/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	168.000	168.000	168.000		32.000
III	Giao thông			943.000	943.000	943.000		210.000

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư /Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao		Phân bổ kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh		
1	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)		319/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	700.000	700.000			165.000	
2	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ phố một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Sơn La		322/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	108.000	108.000			20.000	
3	Dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc		321/NQ-HĐND ngày 16/5/2024	135.000	135.000			25.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 325/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Tiểu dự án 2, Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2024 và Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 574/BC-BDT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Tiểu dự án 2, Dự án 10 Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể như sau:

I. Đối với Tiểu dự án 1, Dự án 4: Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2023 và Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của HĐND tỉnh.

1. Điều chỉnh thông tin dự án

1.1. Điều chỉnh thông tin về tổng mức đầu tư dự án đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Pháy đến bản Huổi Suông).

- Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt: 8.700 triệu đồng.

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 13.000 triệu đồng, tăng 4.300 triệu đồng (*phần vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện*).

1.2. Điều chỉnh thông tin về tổng mức đầu tư dự án đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (*đoạn từ bản Nong Trạng đến Nậm Ngà*).

- Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt: 5.440 triệu đồng

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 7.900 triệu đồng, tăng 2.460 triệu đồng (*phần vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện*).

1.3. Điều chỉnh thông tin về tổng mức đầu tư dự án đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (*đoạn từ bản Có Nội đến bản Khâu Pùm*).

- Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt: 3.120 triệu đồng.

- Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 4.900 triệu đồng, tăng 1.780 triệu đồng (*phần vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện*).

1.4. Điều chỉnh thông tin về quy mô, tổng mức đầu tư dự án đầu tư cứng hóa đường từ trung tâm xã Nậm Ét đến trung tâm xã Mường Sại.

- Quy mô đã được phê duyệt 8 km, quy mô sau điều chỉnh 7,5 km, giảm 0,5 km.

- Tổng mức đầu tư đã phê duyệt: 14.900 triệu đồng; tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 19.000 triệu đồng (*ngân sách huyện tăng 4.900 triệu đồng, ngân sách Trung ương giảm 800 triệu đồng*).

1.5. Thời gian hoàn thành các dự án: Năm 2024 - 2025.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025

- Kế hoạch vốn đã giao (*dự án đầu tư cứng hóa đường từ trung tâm xã Nậm Ét đến trung tâm xã Mường Sại*): 12.800 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn điều chỉnh: Điều chỉnh giảm 800 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn sau điều chỉnh: 12.000 triệu đồng.

3. Số vốn điều chỉnh giảm, để lại phân bổ chi tiết sau: 800 triệu đồng.

II. Đối với Tiểu dự án 2, Dự án 10

1. Nội dung điều chỉnh

1.1. Điều chỉnh tên dự án

- Tên dự án theo Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh: Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại trụ sở UBND cấp xã.

- Tên dự án điều chỉnh: Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng Công nghệ thông tin.

1.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đã giao thực hiện dự án:

- Kế hoạch vốn đã giao thực hiện dự án theo Nghị quyết số 189/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh: 78.721 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn điều chỉnh: 22.250 triệu đồng (*giảm 56.471 triệu đồng*)

2. Nội dung bổ sung thông tin dự án

- Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông

- Quy mô dự án: 150 điểm.

- Địa điểm thực hiện: gồm các xã đặc biệt khó khăn Khu vực III và xã không thuộc khu vực III có thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Tổng mức đầu tư dự án: 22.250 triệu đồng

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2025.

3. Số vốn điều chỉnh giảm, để lại phân bổ chi tiết sau: 56.471 triệu đồng.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOQ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (CHƯƠNG TRÌNH MTOQ 1719)

(Kèm theo Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án						Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
				Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn		Kế hoạch vốn đã giao	Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau chỉnh			
				Thời gian đã phê duyệt	Thời gian điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung							
									Dự kiến tổng mức đầu tư		Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư			Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	
	TỔNG SỐ							32.160	28.880	67.050	51.130	107.601	57.271	57.271	107.601	
A	TIỂU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4, CHƯƠNG TRÌNH MTQG 1719							32.160	28.880	44.800	28.880	28.880	800	800	28.880	
I	ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO GIAI ĐOẠN 202102025							32.160	28.880	44.800	28.080	28.880	800	-	28.080	
*	DỰ ÁN TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 230/NQ-HĐND NGÀY 04/10/2023 CỦA HĐND TỈNH							14.140	13.440	20.900	13.440	13.440	-	-	13.440	
1	Đầu tư củng hóa đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Pháy đến bản Huổi Suông)	UBND huyện Quỳnh Nhai	Huyện Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2024 - 2025			8.700	8.000	13.000	8.000	8.000			8.000	Phản vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện
2	Đầu tư củng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (đoạn từ bản Nong Trang đến Nậm Ngòi)	UBND huyện Quỳnh Nhai	Huyện Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2024 - 2025			5.440	5.440	7.900	5.440	5.440			5.440	Phản vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện
*	DỰ ÁN TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 245/NQ-HĐND NGÀY 15/11/2023 CỦA HĐND TỈNH							18.020	15.440	23.900	14.640	15.440	800	-	14.640	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Điều chỉnh, bổ sung thông tin dự án				Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
				Thời gian thực hiện		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn							
				Thời gian đã phê duyệt	Thời gian điều chỉnh, bổ sung	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt		Điều chỉnh, bổ sung					
								Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Dự kiến tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ				
1	Đầu tư củng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (Đoạn từ bản Có Nọi đến bản Khẩu Pùm)	UBND huyện Quỳnh Nhai	Huyện Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2024 - 2025			3.120	2.640	4.900	2.640			2.640	Phần vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện
2	Đầu tư củng hóa đường từ trung tâm xã Nậm Et đến trung tâm xã Mường Sại	UBND huyện Quỳnh Nhai	Huyện Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2024 - 2025	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380: 2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L = 8 Km; Bề nền = 5 m (4,0 m); Bmặt = 3,5 m (3,0 m); mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380: 2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L = 7,5 Km; Bề nền = 5 m (4,0 m); Bmặt = 3,5 m (3,0 m); mặt đường BTXM	14.900	12.800	19.000	12.800	800	12.000		Phần vốn tăng thêm sử dụng ngân sách huyện
II	NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG ĐIỀU CHỈNH GIÁM PHẢN BỐ CHI TIẾT SAU													800	800

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 326/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án
Phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 574/BC-DT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La đã phê duyệt tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh (Phụ lục số 07) với nội dung sau:

1. Mục tiêu đầu tư bổ sung

Bổ sung mục tiêu: "Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng bảo vệ rừng từ tỉnh đến cơ sở, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng phá rừng, mất rừng, kiểm soát hiệu quả cháy rừng, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh".

2. Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung

a) Quy mô đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh (Phụ lục số 07):

- Đầu tư khôi phục diện tích rừng trồng và xây dựng các mô hình phục hồi rừng phòng hộ: quy mô khoảng 2.000 ha.

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất: quy mô khoảng 2.500 ha.

- Hỗ trợ trồng cây lâm nghiệp phân tán: quy mô khoảng 425 nghìn cây.

b) Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung:

- Đầu tư khôi phục diện tích rừng trồng và xây dựng các mô hình phục hồi rừng phòng hộ: quy mô 1.846,3 ha (*giảm 153,7ha*).

- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất: quy mô 1.094,7 ha (*giảm 1.405,3ha*).

- Đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Các nội dung khác giữ nguyên theo Nghị quyết 276/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh Sơn La về phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (*Phụ lục số 07*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 327/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5, Điều 8, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất về số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5, Điều 8, Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể:

- Tổng số: 18 cơ quan, đơn vị.
- Tổng số 37 xe ô tô, trong đó: 35 xe ô tô bán tải và 02 xe ô tô 16 chỗ.

(có 01 Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục

**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ BÁN TẢI, XE Ô TÔ TỪ 12-16 CHỖ NGỒI PHỤC VỤ CÔNG TÁC
CHUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐƯỢC GIAO THỰC
HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5, ĐIỀU 8, NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2023/NĐ-CP
NGÀY 26/9/2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số 327/NQ-HĐND ngày 16/5/2024 của HĐND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng
I	CẤP TỈNH		
1	Sở Nông nghiệp và PTNT		
-	Chi cục Chăn nuôi thú y và thủy sản	Xe bán tải	1
-	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Xe bán tải	1
-	Chi cục Kiểm lâm (bao gồm: 02 đội kiểm lâm cơ động; 12 Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố; 05 Hạt kiểm lâm đặc dụng, phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên (Sốp Cộp, Xuân Nha, Tà Xùa, Thuận Châu, Mường La)	Xe bán tải	19
2	Sở Tài nguyên và Môi trường		
-	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	Xe bán tải	1
-	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	Xe bán tải	1
3	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		
-	Trung tâm điều dưỡng người có công	Xe bán tải	1
-	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Xe bán tải	1
-		Xe 16 chỗ	1
-	Trung tâm Điều trị và nuôi dưỡng PHCN Bệnh nhân tâm thần	Xe 16 chỗ	1
II	CẤP HUYỆN		
1	Thành phố		
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Thành phố	Xe bán tải	1
2	Huyện Bắc Yên		
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bắc Yên	Xe bán tải	1
3	Huyện Mộc Châu		
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mộc Châu	Xe bán tải	1
4	Huyện Mường La		
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mường La	Xe bán tải	1
5	Huyện Thuận Châu		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chủng loại	Số lượng
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Thuận Châu	Xe bán tải	1
6	Huyện Phù Yên		
-	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phù Yên	Xe bán tải	1
7	Huyện Quỳnh Nhai		
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Quỳnh Nhai	Xe bán tải	1
8	Huyện Sông Mã		
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Sông Mã	Xe bán tải	1
9	Huyện Sốp Cộp		
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Sốp Cộp	Xe bán tải	1
10	Huyện Vân Hồ		
-	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Vân Hồ	Xe bán tải	1
	TỔNG CỘNG		37

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 328/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận
đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại IV

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 262/NQ-UBTVQH-PL ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 25 ngày 4 tháng 2024, Báo cáo số 225/BC-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 774/BC-KTNS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án đề nghị công nhận đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại IV (có nội dung chính của Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền thẩm định và quyết định công nhận đô thị Mộc Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV theo quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**Nội dung chính của Đề án Đề nghị công nhận đô thị Mộc Châu,
tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại IV**
(Kèm theo Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND tỉnh Sơn La)

I. PHẠM VI, RANH GIỚI, QUY MÔ LẬP ĐỀ ÁN

Phạm vi nghiên cứu: Đô thị Mộc Châu với phạm vi nghiên cứu đánh giá gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Mộc Châu hiện nay với 15 đơn vị hành chính cấp xã với 2 thị trấn và 13 xã, ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp các huyện Phù Yên và Bắc Yên.
- Phía Nam giáp huyện Vân Hồ và huyện Sốp Bâu, tỉnh Hòa Bình nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Vân Hồ.
- Phía Tây giáp huyện Yên Châu.

Khu vực nội thị dự kiến được xác lập trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của thị trấn Mộc Châu, toàn bộ dân số và phần lớn diện tích của thị trấn Nông trường Mộc Châu và các xã Phiêng Luông, Mường Sang, Đông Sang.

II. TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

Với những kết quả đánh giá về tình hình thực trạng phát triển đô thị huyện Mộc Châu đối chiếu với các tiêu chí của đô thị loại IV được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH về phân loại đô thị, đô thị Mộc Châu đạt **88,96/100** điểm, cụ thể:

STT	Tên Tiêu chí	Điểm tối thiểu - tối đa	Điểm đánh giá
Tiêu chí 1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	13,5 - 18	16,84
Tiêu chí 2	Quy mô dân số	6 - 8	8,0
Tiêu chí 3	Mật độ dân số	6 - 8	6,0
Tiêu chí 4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5 - 6	4,65
Tiêu chí 5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45 - 60	53,47
	Tổng cộng	75 - 100	88,96

III. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THEO GIAI ĐOẠN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023 (hiện trạng)	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Chỉ tiêu phát triển đô thị									
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	37,9	38,0	50 - 55	50 - 55	50 - 55	50 - 55	55 - 60	55 - 60
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	%	1,8	1,9	2,0	2,5	3,0	3,8	4,2	4,6
3	Diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thị (dự kiến)	M ² /người	21,3	22,0	22,5	24,0	26,0	27,4	28,5	30,0
4	Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	%	10,21	10,5	11,0	12,0	13,0	14,0	14,5	15,0
5	Mật độ đường cống thoát nước chính	Km/Km ²	9,10	9,25	9,5	9,8	10,0	10,5	10,8	11,0
6	Diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	M ² /người	4,6	4,7	4,8	5,0	5,4	5,6	5,8	6,0
7	Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	M ² /người	3,5	3,65	3,8	4,0	4,2	4,5	4,8	5,0
II	Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu đô thị loại IV									
1	Mật độ dân số toàn đô thị	Người/Km ²	332	347	358	369	380	391	403	414
2	Công trình xanh	Công trình	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có	1	1

IV. DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC XÃ, PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THỊ XÃ MỘC CHÂU

Dự kiến điều chỉnh địa giới hành chính các xã, thị trấn hiện hữu theo hướng thành lập các phường, xã và nâng cấp đơn vị hành chính lên thị xã Mộc Châu. Huyện Mộc Châu hiện có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Mộc Châu (*huyện lỵ*), thị trấn Nông trường Mộc Châu và 13 xã (*Chiềng Hắc,*

Chiềng Khừa, Chiềng Sơn, Đông Sang, Hua Păng, Lóng Sập, Mường Sang, Nà Mường, Phiêng Luông, Quy Hương, Tân Hợp, Tân Lập, Tà Lại).

Huyện Mộc Châu dự kiến thành lập thị xã Mộc Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của huyện Mộc Châu; trong đó khu vực nội thị dự kiến hình thành 8 phường trên cơ sở thị trấn Mộc Châu và một phần thị trấn Nông trường Mộc Châu, 03 xã hiện hữu (*gồm: Phiêng Luông, Đông Sang, Mường Sang, với tổng diện tích khoảng 158,27 km²*); Khu vực ngoại thị dự kiến thành lập 07 xã (*xã mới Tân Hợp + Tân Lập; xã mới Quy Hương + Nà Mường + Tà Lại; xã mới Hua Păng + một phần xã Phiêng Luông + một phần thị trấn Nông trường Mộc Châu; xã mới Chiềng Hắc + một phần xã Mường Sang + một phần thị trấn Nông trường Mộc Châu; xã mới Chiềng Khừa + một phần xã Mường Sang; xã mới Chiềng Sơn + một phần xã Đông Sang + một phần xã Mường Sang; xã Lóng Sập*).

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ

Các khu vực phát triển đô thị đã được cụ thể hóa trong Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040 được phê duyệt theo Quyết định số 315/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La ngày 07 tháng 02 năm 2024. Theo đó không gian khu vực nội thị được chia thành 06 phân khu như sau:

(1) *Phân khu số 1:* Thuộc phạm vi thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu (*thuộc phạm vi phường 1, 2, 3, 4, 8 dự kiến*). Là Trung tâm hành chính - văn hóa - thương mại, dịch vụ cấp thị xã; là khu dân dụng đô thị, trung tâm hiện hữu của thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường Mộc Châu, trong đó có các công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị, công trình y tế cấp tỉnh và đô thị.

(2) *Phân khu số 2:* Thuộc phạm vi diện tích đồi, núi của thị trấn Mộc Châu, thị trấn Nông trường Mộc Châu (*thuộc phạm vi các phường 1, 2, 3, 4, 6 dự kiến*). Là khu vực đặc trưng tiêu biểu gắn với bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng của đô thị Mộc Châu (*đồng cỏ, đồi chè, sườn núi cao*); là khu du lịch nông trại có kiến trúc, cảnh quan và công nghệ thân thiện với môi trường, sinh thái gắn với nhà máy chế biến sữa hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, hình thành điểm du lịch nông trại trải nghiệm hấp dẫn.

(3) *Phân khu số 3:* Thuộc phạm vi thị trấn Nông trường Mộc Châu, xã Phiêng Luông (*thuộc phạm vi các phường 3, 6 dự kiến*). Là các phân khu chức năng thuộc Trung tâm du lịch trọng điểm và vùng đệm của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; là khu trung tâm du lịch của khu vực và vùng Tây Bắc, lưu giữ và quảng bá các giá trị bản sắc văn hóa, phong tục tập quán, lễ hội của các dân tộc; là quần thể du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, đào tạo du lịch, gắn kết với các khu dân cư hiện hữu; là khu vực cửa ngõ của đô thị Mộc Châu, kết nối tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La.

(4) *Phân khu số 4:* Thuộc phạm vi thị trấn Nông trường Mộc Châu (*phường 5 dự kiến*). Là khu dân dụng đô thị gắn với phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, nông nghiệp đô thị; với các trọng điểm phát triển du lịch tại khu vực Ngũ động Bản Ôn, đồi chè Ô Long Mộc Châu,...

(5) *Phân khu số 5*: Thuộc phạm vi xã Đông Sang (*phường 7 dự kiến*). Là khu dân dụng đô thị gắn với phát triển du lịch văn hóa, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sinh thái gắn với vùng đồi núi, công viên rừng sinh thái, du lịch.

(6) *Phân khu số 6*: Thuộc phạm vi xã Mường Sang (*phường 8 dự kiến*). Là khu phức hợp dịch vụ, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí, nông nghiệp sinh thái, khu ở và khu đầu mối kỹ thuật đô thị.

VI. CÁC GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC

- Tận dụng tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương; tỉnh vốn vay ưu đãi. Nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành tỉnh Sơn La để triển khai các công trình, dự án của sở ngành đang thực hiện trên địa bàn đúng kế hoạch và tranh thủ vận động đàm phán các dự án ODA. Trong đó ưu tiên vào các lĩnh vực như: phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội (điện, giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải, các công trình công cộng, y tế, giáo dục...); các dự án về môi trường, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cộng đồng; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xóa đói giảm nghèo.

- Tham mưu, đề xuất kiến nghị các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tư nhân về thuế, cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng, mở rộng các hình thức đầu tư PPP và các hình thức khác để thu hút vốn của các doanh nghiệp,... Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội huyện. Đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá về các tiềm năng thế mạnh của huyện, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thông tin.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong việc đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, văn hóa, thể thao trên địa bàn huyện. Đổi mới cơ chế, chính sách để huy động mạnh nguồn lực đất đai vào phát triển hạ tầng. Bổ sung và ban hành mới các cơ chế chính sách phát triển đô thị phù hợp trong từng giai đoạn

VII. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV

1. Các tiêu chuẩn chưa đạt điểm

1.1. Mật độ dân số toàn đô thị: đô thị Mộc Châu có diện tích tự nhiên lớn do đó để khắc phục các chỉ tiêu về dân số cần có lộ trình dài hạn và có nhiều cơ chế, giải pháp tổng hợp để phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng thu nhập bình quân đầu người, thu hút dân số cơ học, từ đó gia tăng dân số toàn đô thị và mật độ dân số.
Cụ thể:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng thương mại dịch vụ, du lịch. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ thông qua hệ thống chợ, siêu thị, hệ thống cửa hàng bán lẻ...

- Quan tâm đúng mức và vận dụng tốt các chính sách để phát triển nhà ở xã hội, nhà ở thương mại phù hợp, đáp ứng nhu cầu nhà ở đô thị, thu hút lực lượng lao động, người định cư, góp phần tăng dân số cơ học và cải thiện quy mô dân số đô thị.

- Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn: Tập trung hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn khảo sát, triển khai dự án trên địa bàn huyện. Thu hút các dự án đầu tư, kinh doanh về cơ sở lưu trú và các dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí để phục vụ nhu cầu của du khách và nhân dân. Khai thác hiệu quả giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan của huyện phục vụ cho phát triển du lịch, dịch vụ.

- Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh, các nhà đầu tư tập trung hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp Mộc Châu, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp. Qua đó tăng số lượng lao động về trên địa bàn, thu hút thêm dân số cơ học cho đô thị...

1.2. Công trình xanh (hiện nay chưa có công trình, yêu cầu tối thiểu có 1 công trình): Trên cơ sở Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2040 đã được phê duyệt, UBND huyện tiếp tục lập một số quy hoạch chi tiết khu đô thị sinh thái và khu dân cư gắn với các hoạt động du lịch sinh thái, ưu tiên các quy hoạch theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh. UBND huyện kêu gọi các chủ đầu tư xây dựng các công trình xanh đáp ứng tiêu chuẩn quy định và đảm bảo điều kiện cấp chứng nhận bởi các tổ chức LOTUS, LEED, Green Mark,...

2. Các tiêu chuẩn đã đạt điểm nhưng chưa đạt điểm tối đa

Bao gồm các tiêu chuẩn đạt điểm trung bình và các tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu, đặc biệt là các tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu do vận dụng yếu tố đặc thù là đô thị miền núi. Để tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn này, UBND huyện Mộc Châu sẽ tiếp tục rà soát, bám sát các nội dung của Quy hoạch tỉnh Sơn La, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La, Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, và các Quy hoạch, Chương trình, Kế hoạch liên quan để làm cơ sở thực hiện triển khai các dự án đầu tư xây dựng, nâng cao chất lượng đời sống của người dân, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững. Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ. Trong đó, phải kết hợp hạ tầng giao thông với hạ tầng thoát và xử lý nước thải một cách đồng bộ, nhất là các tuyến đường chính. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xây dựng đô thị (khu thương mại trung tâm, khu dịch vụ về y tế - giáo dục - văn hóa, khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái, khu tái định cư...). Đồng thời, tăng cường công tác quản lý đô thị; đảm bảo trật tự đô thị, bảo vệ và cải thiện môi trường, xây dựng nếp sống đô thị văn minh.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 838/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 26 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-STNMT ngày 25 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La. Cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Lập biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất

a) Biên bản kiểm đếm, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất là tài liệu xác lập số lượng, chất lượng tài sản gắn liền với diện tích đất thu hồi để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ và được lập theo Mẫu số 06 kèm theo Quyết định này.

Biên bản do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập, được lập thành 03 (ba) bản, phải có chữ ký của tất cả thành viên tham gia kiểm đếm hoặc điểm chỉ (*nếu không ký được*) và UBND cấp xã xác nhận”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 12 như sau:

“c) Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi UBND cấp xã nơi có đất thu hồi để xác nhận các nội dung theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này. Thời hạn xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất thu hồi là không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển đến.

Trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến nhưng chưa có văn bản của UBND cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có văn bản gửi UBND cấp xã nơi có đất thu hồi để xác nhận các nội dung theo thẩm quyền và thực hiện lập, trình thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; sau khi UBND cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú có ý kiến thì lập, phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi theo quy định”.

3. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Xác định đối tượng được bồi thường bằng đất ở hoặc bố trí chỗ ở

Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ nội dung xác nhận của UBND cấp xã để xác định đối tượng đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở hoặc bố trí chỗ ở và địa điểm để bố trí. Thời gian thực hiện không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm tra của các đơn vị theo quy định tại Điều 8 của Quyết định này.”

4. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:

“a) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thực hiện dự án tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thực hiện dự án; đồng thời, niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thực hiện dự án. Thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết.”

5. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 17 như sau:

“a) Tờ trình đề nghị thẩm định về phương án bồi thường đã hoàn chỉnh kèm theo các bảng tổng hợp thông tin, số liệu về bồi thường, hỗ trợ theo Bảng tính chi tiết: Biên bản kiểm kê mẫu số 06/BBKK; Bảng tính chi tiết mẫu số 07/PABTHT, Bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo mẫu số 08/PABTHT, Bảng tổng hợp đất đai bị thu hồi theo Bảng tổng hợp mẫu số 09/PABTHT, Bảng tổng hợp

danh sách các hộ gia đình được giao tái định cư, được giao đất có thu tiền sử dụng đất, được bồi thường bằng đất nông nghiệp mẫu số 10/PABTHT, dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo mẫu số 11/PABTHT kèm theo Quyết định này.”

Điều 2. Hủy bỏ Mẫu số 01 Biên bản kiểm đếm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 864/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng
Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (10/10/1895 - 10/10/2025)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐCP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TTBNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong 03 năm 2023 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 337/TTr-SNV ngày 10 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (10 tháng 10 năm 1895 - 10 tháng 10 năm 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng Kỷ niệm 130 năm
thành lập tỉnh Sơn La (10/10/1895 - 10/10/2025)**
(Kèm theo Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Căn cứ Kế hoạch số 142-KH/TU ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong 03 năm (2023 - 2025). Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (ngày 10 tháng 10 năm 1895 - ngày 10 tháng 10 năm 2025), (sau đây viết tắt là *Phong trào thi đua*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, sáng tạo, hiệu quả, thu hút đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, nông dân và người lao động hưởng ứng, thi đua thực hiện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII gắn với đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, những thành tựu đã đạt được của nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là những thành tựu trong công cuộc đổi mới đất nước, khơi dậy niềm tự hào về giá trị lịch sử, truyền thống cách mạng; bồi dưỡng, nâng cao nghĩa vụ, trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

- Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký thực hiện hoàn thành các công trình, phần việc và tổ chức gắn liền các công trình chào mừng kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (10 tháng 10 năm 1895 - 10 tháng 10 năm 2025).

2. Yêu cầu

- Tổ chức phát động Phong trào thi đua và các hoạt động kỷ niệm 130 năm ngày thành lập tỉnh đúng quy định, bảo đảm kế thừa, đổi mới, thiết thực, hiệu quả, an toàn, trang trọng, tiết kiệm, hướng đến nhiều đối tượng, phù hợp với tính chất, ý nghĩa sự kiện và điều kiện thực tế của tỉnh, địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Triển khai sâu rộng Phong trào thi đua, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo hiệu quả, thực chất, phù hợp với thực tiễn; phát huy được sáng kiến, sáng tạo của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân; tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện, kiểm tra đôn đốc và theo dõi, phát hiện khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua.

- Công tác lựa chọn, xét đề nghị khen thưởng thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Tập thể, cá nhân được khen thưởng phải thực sự tiêu biểu, có nhiều nỗ lực phấn đấu, đổi mới, sáng tạo, có tác dụng giáo dục, nêu gương, có phạm vi ảnh hưởng, có sức lan tỏa trong ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai, tuyên truyền và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; quán triệt sâu sắc tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng” tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong nhận thức, tư tưởng và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, làm cho công tác thi đua thực sự trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm và việc làm thường xuyên của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị, cá nhân.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh phát động gắn với việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” và nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, như: “*Chung tay xây dựng nông thôn mới*”; “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; “*Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”; “*Toàn dân tham gia phòng, chống ma túy*”; “*Thu hút đầu tư*”; “*Sơn La phát triển du lịch bền vững và hội nhập*”; “*Đẩy mạnh cải cách hành chính Nhà nước*”; “*Thực hiện chuyển đổi số*”; “*Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và nông dân tỉnh Sơn La sản xuất, kinh doanh nông nghiệp giỏi*”; “*Dân vận khéo*”; “*Thực hiện văn hóa công sở*”; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các phong trào thi đua trên các lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, phong trào khuyến học, khuyến tài..., thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, vượt qua khó khăn thử thách, huy động sức mạnh tổng hợp, đảm bảo **phát triển xanh, nhanh, bền vững**, góp phần vào chỉ tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân...

Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương xác định công trình trọng điểm, các phần việc cần tập trung chỉ đạo, có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, giải ngân nguồn vốn được phân bổ; lựa chọn, triển khai xây dựng ít nhất 01 mô hình tiêu biểu hoặc 01 công trình thiết thực chào mừng, nhằm tạo khí thế thi đua sôi nổi giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, phấn đấu hoàn thành để lựa chọn công trình tiêu biểu các cấp, tổ chức gắn biển chào mừng kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh; các các ngày lễ, kỷ niệm lớn và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh diễn ra trong năm 2024, năm 2025.

3. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia để sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả sau đầu tư. Phấn đấu hết năm 2025 tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đạt 60 triệu đồng/người/năm; giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu đạt trên 200 triệu USD; thu ngân sách trên địa bàn đạt 6.250 tỷ đồng; tỷ lệ đô thị hóa đạt 18,5%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 giảm bình quân 3%/năm (riêng các huyện nghèo giảm 4 - 5%/năm); có ít nhất 01 huyện được đưa ra khỏi danh sách huyện nghèo. Phấn đấu xây dựng huyện Mộc Châu thành thị xã vào năm 2025 theo Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng và phát triển thành phố Sơn La theo định hướng đô thị loại I và phát triển xanh, nhanh, bền vững theo Kết luận số 353-KL/TU ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ; phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong nước và ngoài nước. Từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; tập trung xây dựng tỉnh Sơn La trở thành trung tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trung tâm chế biến nông sản, trung tâm sữa, hoa quả, cây dược liệu của vùng Tây Bắc. Phấn đấu, đến hết năm 2025, 83 xã, 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 04 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới, 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và có 3 - 5 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng huyện Quỳnh Nhai đạt chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Đẩy mạnh thực hiện khâu đột phá về cải cách hành chính

Tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; giải quyết kịp thời thủ tục hành chính với Nhân dân.

6. Xây dựng và phát triển văn hóa toàn diện, bền vững, tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc. Tập trung tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh; chú trọng tuyên truyền về khát vọng phát triển đất nước, cổ vũ những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; chú trọng công tác

đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững; làm tốt công tác chăm sóc các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt Đề án "*Huy động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025*".

7. Thực hiện tốt công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới và phòng chống ma túy; chủ động nắm tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để phát sinh điểm "nóng". Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy. Đảm bảo tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của đất nước và địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. củng cố mối quan hệ đối ngoại và hợp tác toàn diện với 09 tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

8. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "*tự diễn biến*", "*tự chuyển hóa*". Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tổ chức, cán bộ; tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; tăng cường củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Thực hiện tốt công tác dân vận, nắm tình hình nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng công tác tự kiểm tra phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, tiêu cực. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

III. THỜI GIAN THI ĐUA: Từ tháng 6 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025.

IV. ĐỐI TƯỢNG THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

1. Đối tượng thi đua

- Các sở, ban, ngành đoàn thể, các huyện, thành phố, lực lượng vũ trang và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh;
- Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang, người lao động, hộ gia đình và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Hình thức khen thưởng

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Giấy khen của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (*Giấy khen của cơ quan, đơn vị, địa phương*).

3. Tiêu chuẩn khen thưởng

3.1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

a) Tập thể: sở, ban, ngành, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; các phòng, ban, đơn vị thuộc sở, ban, ngành, huyện, thành phố; doanh nghiệp, hợp tác xã đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là tập thể gương mẫu, nội bộ đoàn kết, chấp tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; các quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư.

- Có ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào thi đua; có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong Phong trào thi đua, có tỷ lệ các chỉ tiêu đăng ký đều đạt và vượt theo kế hoạch đề ra (*trong công tác, lao động sản xuất, chiến đấu...*).

- Tích cực tham gia xây dựng các loại quỹ, các hoạt động nhân đạo từ thiện góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Có mô hình tiêu biểu, công trình hoàn thành đảm bảo khối lượng, chất lượng đưa vào hoạt động (*nếu có*) đạt hiệu quả, thiết thực chào mừng Kỷ niệm 130 năm ngày thành lập tỉnh Sơn La.

b) Cá nhân: cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, chiến sĩ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang; học sinh, sinh viên ... đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là cá nhân tiêu biểu, gương điển hình tiên tiến chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện tốt nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động, đặc biệt có hoạt động sáng tạo thiết thực và hiệu quả chào mừng 130 năm ngày thành lập tỉnh Sơn La gắn với việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

- Tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo từ thiện, góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Doanh nhân, hộ gia đình và đối tượng khác

Doanh nhân, nhà tài trợ trong và ngoài tỉnh gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và quy định của địa phương, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có cách làm mới trong sản xuất kinh doanh, thực hiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển kinh tế đảm bảo đúng

pháp luật và các quy định hiện hành... đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và vệ sinh môi trường.

- Tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động do địa phương (*tổ dân phố*) phát động, có tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ các gia đình, hộ gia đình khác cùng phát triển...

- Có đóng góp thiết thực, hiệu quả cho xây dựng nông thôn mới, công tác an sinh xã hội, các công trình phúc lợi xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La hoặc tích cực tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cộng đồng, dòng họ, cá nhân có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên (*trong thời gian triển khai thực hiện Phong trào thi đua*), được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

d) Số lượng đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (*phân bổ số lượng chi tiết sau*).

3.2. Giấy khen của cơ quan, đơn vị, địa phương

Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn theo quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn, nhiệm vụ được giao và quyết định khen thưởng.

4. Thủ tục hồ sơ

a) Tuyến trình khen thưởng

- Cấp nào quản lý về tổ chức cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét, khen thưởng theo thẩm quyền và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định.

- Các doanh nghiệp, nhà tài trợ có đóng góp, ủng hộ cho tỉnh do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp và trình UBND tỉnh khen thưởng; ủng hộ cho huyện, thành phố do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố tổng hợp trình UBND huyện, thành phố khen thưởng theo quy định hiện hành.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ tiêu chuẩn, bình xét khen thưởng và hoàn thiện, nộp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng (*qua Sở Nội vụ*).

b) Hồ sơ khen thưởng

- Tờ trình của các cơ quan, đơn vị đề nghị xét khen thưởng.

- Biên bản họp xét, đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị trình khen thưởng.

- Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đề nghị khen thưởng theo mẫu số 08 kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Kinh phí khen thưởng: thực hiện theo quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh và điều kiện cụ thể ban hành kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua đảm bảo nội dung, chất lượng, tiến độ, thiết thực hiệu quả, tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp nhằm thúc đẩy thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành, đơn vị, địa phương; gửi về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) trước ngày 15 tháng 7 năm 2024 để theo dõi, tổng hợp, làm cơ sở xét đề nghị khen thưởng.

b) Lựa chọn 01 - 05 mô hình tiêu biểu hoặc 01 công trình chào mừng; các gương điển hình tiên tiến trong Phong trào thi đua để tuyên truyền, giới thiệu trên Công Thông tin điện tử của tỉnh, của cơ quan, đơn vị, địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Lựa chọn công trình thiết thực tiêu biểu các cấp, tổ chức gắn biển chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh, các ngày lễ, kỷ niệm lớn và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh diễn ra trong năm 2024, năm 2025.

b) Báo cáo tiến độ thực hiện Phong trào thi đua trong năm 2024, gửi UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) (*Báo cáo thành mục riêng trong Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm*); báo cáo kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua (*khi có văn bản triển khai cụ thể*).

c) Xét, khen thưởng theo thẩm quyền; đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng (*qua Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 9 năm 2025*) đối với các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua theo quy định (*chú trọng khen thưởng người trực tiếp lao động, công nhân, nông dân, hộ gia đình...*).

d) Thực hiện xây dựng dự toán kinh phí để tổ chức thực hiện phong trào thi đua; xin ý kiến các sở, ngành liên quan, trình UBND tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị các cấp ủy Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể

Phối hợp chỉ đạo tuyên truyền, vận động đảng viên, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia hưởng ứng Phong trào thi đua; quan tâm phát hiện, giới thiệu các nhân tố mới trong các phong trào thi đua để tuyên truyền, tạo sức lan tỏa trong xã hội, tạo khí thế thi đua sôi nổi chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La trong các tầng lớp Nhân dân.

3. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan, đơn vị và các cơ quan thông tin, tuyên truyền của tỉnh đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về Phong trào thi đua, các hoạt động Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh; các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trên các phương tiện truyền thông.

4. Sở Nội vụ

a) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, xây dựng

kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào thi đua; lồng ghép việc kiểm tra, giám sát kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua với các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Phong trào thi đua, báo cáo UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh; tham mưu, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong Phong trào thi đua trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo quy định. Dự kiến trao tặng khen thưởng của Chủ tịch UBND trong dịp Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh (*theo Kế hoạch của UBND tỉnh*).

c) Chỉ đạo Trung tâm Lưu trữ lịch sử chủ trì xây dựng nội dung Công bố tài liệu Lưu trữ lịch sử về Thi đua, Khen thưởng của tỉnh qua các thời kỳ trên không gian mạng chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh và Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Sơn La lần thứ VI, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI, giai đoạn 2025 - 2030 (*thời gian thực hiện Quý III năm 2024; thời gian hoàn thành và công bố vào Quý IV năm 2024*); dự toán kinh phí, trình cấp có thẩm quyền cấp bổ sung kinh phí năm 2024 theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình các cấp có thẩm quyền khen thưởng cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Sơn La nhân dịp Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh (ngày 10 tháng 10 năm 1895 - ngày 10 tháng 10 năm 2025), hoàn thành trong Quý II năm 2025.

5. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tổ chức triển khai, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai xây dựng công trình gắn biển chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La đảm bảo đúng quy định, có ý nghĩa thiết thực, hiệu quả theo kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

7. Sở Tài chính

Phối hợp thẩm định kinh phí đảm bảo tổ chức thực hiện phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp hướng dẫn các cơ quan truyền thông của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền Phong trào thi đua, hoạt động Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh; gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; các thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

8. Báo Sơn La, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh

a) Xây dựng các chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng; phóng sự, đưa tin bài về những thành quả đạt được qua các phong trào thi đua; những tấm gương người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến, nhân tố tích cực...để cổ vũ, động viên Phong trào thi đua, tạo sự lan toả rộng khắp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b) Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh xây dựng, phát trên sóng phát thanh, truyền hình và các nền tảng số của Đài trong dịp Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh:

- 01 phóng sự về kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua, thời lượng từ 10 - 15 phút;

- 02 phóng sự (*thời lượng không quá 05 phút/1 phóng sự*) về tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong Phong trào thi đua.

c) Báo Sơn La phát hành số báo đặc biệt chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua chào mừng Kỷ niệm 130 năm thành lập tỉnh Sơn La (ngày 10 tháng 10 năm 1895 - ngày 10 tháng 10 năm 2025), yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các Cụm, Khối thi đua của tỉnh và các tổ chức, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản, gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 874/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung
Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 129/TTr-SXD ngày 04 tháng 5 năm 2024 và Báo cáo số 247/BC-SXD ngày 10 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến năm 2035 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập Quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Phù Yên mở rộng sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính các xã Quang Huy, xã Huy Bắc và xã Huy Hạ.

- Phía Đông giáp xã Huy Thượng, xã Huy Tân;
- Phía Bắc giáp xã Suối Tọ;
- Phía Tây giáp xã Huy Hạ, xã Suối Tọ;
- Phía Nam giáp xã Huy Hạ.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng: 14,84 km².
- Quy mô dân số:
 - + Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2030 là 29.900 người
 - + Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2035 là 35.000 người.

2. Mục tiêu

- Phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2031 - 2030.

- Quy hoạch tổ chức lại không gian đô thị đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại IV, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay cũng như định hướng phát triển trong tương lai. Rà soát toàn bộ quy hoạch, cập nhật các khu vực đã được điều chỉnh cục bộ, khớp nối đồng bộ với đồ án quy hoạch mới.

- Xây dựng thị trấn Phù Yên thành đô thị trung tâm; là động lực tăng trưởng kinh tế phía Đông của tỉnh, hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, phấn đấu đạt đô thị loại IV; làm cơ sở sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính huyện.

- Làm căn cứ lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thu hút các dự án đầu tư, là cơ sở pháp lý để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt và lập đề án thành lập thị trấn Quang Huy.

3. Tính chất, chức năng của đô thị

- Là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế.
- Là trung tâm hỗ trợ và thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ chế biến nông, lâm sản gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu.
- Là trung tâm văn hóa, thương mại dịch vụ và du lịch cửa ngõ phía Đông của Sơn La, kết nối giao thương kinh tế với các tỉnh lân cận.
- Là đầu mối giao thông quan trọng cửa ngõ phía Đông của tỉnh, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh.

4. Định hướng phát triển không gian

4.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể

- Hình thành 03 khu vực kiểm soát phát triển đô thị.
- Tập trung đẩy mạnh kiểm soát phát triển dọc tuyến đường chính đô thị mới, tạo động lực phát triển đô thị.
- Phát triển 06 trung tâm tạo vị thế là đô thị huyện lỵ, bao gồm: Trung tâm hành chính chính trị huyện; Khu vực cơ quan thuế, Công an huyện; Trung tâm văn hóa thể thao mới huyện; Trung tâm đào tạo, dạy nghề huyện; Trung tâm y tế - bệnh viện đa khoa 500 giường; Trung tâm du lịch sinh thái đồi thông.
- Định hướng kiểm soát và phân bố hệ thống không gian xanh đồng bộ trong và ngoài đô thị.

- Phân bố hệ thống hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu mở rộng đô thị.

- Kiểm soát hoạt động xây dựng nhà ở hiện hữu và phát triển mới.

4.2. Phân vùng kiểm soát phát triển (03 khu vực)

- Khu vực 1 (Khu vực đô thị hiện hữu): Giảm tải tập trung dân cư; cải thiện không gian xanh; chỉnh trang các tuyến giao thông trục chính.

- Khu vực 2 (Khu vực đô thị phát triển mở rộng): Gia tăng dân cư; bố trí các hoạt động thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ và thương mại; kiểm soát hệ thống cây xanh mặt nước đảm bảo chống úng ngập cho đô thị.

- Khu vực 3 (Khu vực bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên): Hạn chế hoạt động xây dựng; phát triển các hoạt động du lịch sinh thái; kiểm soát diện tích rừng.

4.3. Phân khu đô thị (05 phân khu)

- Phân khu 1: Khu đô thị phía Đông Bắc, bao gồm: Các khu dân cư của xã Quang Huy hiện nay và các bản Nà Xá, bản Mo Nghè 1, bản Mo Nghè 2, Bản Cang và 1 phần của Bản Búc. Diện tích khoảng 175,68 ha, dân số khoảng 6.500 người.

- Phân khu 2: Khu đô thị trung tâm, bao gồm: Diện tích phần mở rộng của xã Quang Huy và xã Huy Bắc (bản Suối Làng, Bản Mo 2 và một phần Bản Mo 1). Diện tích khoảng 174,64 ha, dân số khoảng 10.500 người.

- Phân khu 3: Khu đô thị phía Đông Nam, bao gồm: Khu dân cư xã Quang Huy; một phần dân cư, đất nông nghiệp xã Huy Bắc và xã Huy Hạ hiện nay (bản Chiềng Hạ 1, bản Chiềng Thượng, bản Chiềng Trung, bản Kim Tân, và 1 phần của Bản Búc). Diện tích 228,65 ha, dân số khoảng 7.500 người.

- Phân khu 4: Khu đô thị phía Tây Nam, bao gồm: Khu dân cư xã Huy Bắc và một phần dân cư, đất nông nghiệp của xã Huy Hạ (bản Phố, bản Nà Phái 1). Diện tích 183,05 ha, dân số khoảng 10.500 người.

- Phân Khu 5: Phân khu lâm nghiệp và phát triển du lịch; là khu vực mở rộng đô thị về phía Tây và Tây Bắc, là vùng đất lâm nghiệp của xã Quang Huy và Huy Bắc hiện nay. Diện tích 722,46 ha.

4.4. Định hướng phát triển hoạt động kinh tế động lực đô thị

Định hướng phát triển các hoạt động kinh tế động lực đô thị theo dọc trục đường chính đô thị, gồm:

- Thương mại dịch vụ trạm dừng nghỉ có không gian mở, kết hợp với dịch vụ ẩm thực bảo dưỡng.
- Trung tâm hàng nông sản: Phát triển hoạt động hội chợ triển lãm; Quảng bá và giới thiệu sản phẩm địa phương; Hỗ trợ cung cấp giống và kỹ thuật.
- Trung tâm dịch vụ thương mại huyện: Chợ đầu mối, phục vụ thương mại cho các xã phía Đông.
- Trung tâm dịch vụ công nghiệp, vận tải: Hệ thống kho bãi; Trạm sửa chữa, bảo dưỡng và đăng kiểm xe; Văn phòng đại diện, cơ quan làm việc.

4.5. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm huyện lỵ

- Trung tâm hành chính chính trị huyện: Duy trì tại vị trí hiện nay, bổ sung không gian mở cho các hoạt động tập thể.
- Khu vực cơ quan thuế, Công an huyện: Duy trì tại khu vực phía Tây Nam hiện nay.
- Khu vực Quảng trường: Tại khu vực phía Tây Nam thị trấn.
- Trung tâm văn hóa thể thao mới cấp huyện: Tại khu vực cánh đồng Kim Tân- Chiềng Hạ.
- Trung tâm đào tạo, dạy nghề cấp huyện: Tại khu vực Bản Búc.
- Trung tâm y tế - Bệnh viện đa khoa 500 giường: Thực hiện theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị phía Đông thị trấn.
- Trung tâm du lịch sinh thái đồi thông: Khu vực phía Bắc.

4.6. Định hướng phân bố hệ thống cây xanh, cảnh quan không gian mở

Hệ thống không gian xanh được bao trùm lên toàn bộ thị trấn với các vùng không gian xanh tự nhiên và không gian xanh nhân tạo. Quy hoạch cảnh quan xanh xung quanh suối Ngọt, suối Tắc.

- Khu vực lâm nghiệp: Bảo tồn, thu hút nhiều chương trình, dự án đẩy mạnh công tác trồng rừng bảo vệ rừng, góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, phát triển kinh tế rừng, mở ra cơ hội cho phát triển du lịch.
- Khu vực trồng cây hàng năm: Duy trì trong giai đoạn ngắn hạn kết hợp với hoạt động trải nghiệm, xây dựng nhiều sản phẩm đặc sắc, kết hợp văn hóa đậm chất núi rừng Tây Bắc.
- Hệ thống mặt nước: Thiết lập hệ thống hành lang xanh bảo vệ mặt nước, sự ổn định của bờ suối và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước;
- Vườn hoa, sân chơi trong các nhóm ở: Tổ chức đồng bộ với phát triển mới và hỗ trợ đáp ứng cho các khu dân cư đô thị.

5. Định hướng quy hoạch hạ tầng xã hội

5.1. Công trình hành chính, trụ sở cơ quan

- Trung tâm hành chính, chính trị huyện Phù Yên: Trung tâm vẫn được duy trì tại vị trí hiện nay. Tuy nhiên các công trình cần được cải tạo phù hợp với cảnh quan và mang bản sắc kiến trúc địa phương.

- Trụ sở UBND thị trấn Phù Yên: Chính trang mở rộng tại vị trí của UBND xã Quang Huy.

- Các công trình trụ sở cơ quan làm việc của các phòng ban, thuế, tòa án nằm ở phía mặt đường QL37.

5.2. Công trình giáo dục

- Trường đào tạo chuyên nghiệp: Xây mới trường đạo tạo dạy nghề tại khu vực Bản Búc.

- Trường PTTH Huyện: Trường THPT được mở rộng quy mô như xác định theo quy hoạch trước đây.

- Hệ thống trường học bậc Tiểu học, THCS: Giữ nguyên vị trí quy mô các trường Tiểu học, THCS hiện nay trên địa bàn thị trấn (cũ) và các xã hiện nay. Xây dựng thêm 6 trường gắn với mở rộng đô thị, bao gồm 4 trường tiểu học, 2 trường THCS tại phân khu 1, phân khu 2 và phân khu 3.

- Hệ thống trường mầm non: Giữ các trường đã có, đối với các khu dân cư mới, khu đô thị mới được xây dựng đồng bộ. Khuyến khích phát triển các trường mầm non tư thục.

5.3. Công trình văn hóa

- Bổ sung thêm công trình văn hóa thị trấn cho thanh thiếu niên.

- Trung tâm văn hóa huyện: Xây dựng tại vị trí bản Kim Tân, gắn với hình thành sân vận động huyện.

- Các nhà văn hóa tại các khu phố, thôn bản được duy trì như hiện nay, Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các quy hoạch chi tiết cần làm rõ quy mô diện tích đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn hiện hành.

5.4. Công trình y tế

- Trong ngắn hạn giữ nguyên Bệnh viện Đa khoa II thị trấn và trung tâm y tế thị trấn tại vị trí hiện tại.

- Trong dài hạn đầu tư xây dựng mới bệnh viện quy mô 500 giường bệnh theo quy định của Bộ Y tế tại phân khu 3 với quy mô 2,18 ha. Bệnh viện đa khoa huyện cũ hoặc điều chuyển thành Trung tâm y tế huyện.

5.5. Hệ thống công viên thể dục thể thao

- Công trình thể thao: Sân vận động huyện được bố trí tại khu vực bản Kim Tân, quy mô khoảng 6,30 ha; Sân vận động thị trấn được bố trí tại khu vực Bản

Mo 2 quy mô 3,07 ha xây dựng theo quy hoạch chi tiết; Sân tập luyện, sân thể thao nhỏ được bố trí đồng bộ trong các khu đất cây xanh phân tán tới từng đơn vị ở, nhóm ở trong đồ án.

- Công viên: Phát triển các công viên bám theo suối Ngọt và có tạo lập các hồ điều hòa vừa mang tới không gian sinh thái đồng thời đảm bảo các vấn đề về thoát nước chống ngập cho đô thị. Công viên tổng hợp, vui chơi giải trí: được bố trí gắn với các hoạt động văn hóa đặc trưng; Công viên đô thị phân cấp theo quy mô huyện và thị trấn.

5.6. Hệ thống chợ, trung tâm thương mại

Giữ nguyên hệ thống chợ hiện hay, đồng thời bổ sung thêm chợ, công trình thương mại tại các đơn vị ở mới.

6. Quy hoạch sử dụng đất

- Tổng diện tích lập quy hoạch 1.484,48 ha.
- Tổng diện tích dành cho phát triển đô thị khoảng: 590,31 ha (trong đó: đất dân dụng: 278,92 ha; đất ngoài dân dụng: 311,39 ha).
- Đất khác là: 894,17 ha.

7. Thiết kế đô thị

7.1. Định hướng kiểm soát vùng kiến trúc, cảnh quan

- Hình thành thành 02 tuyến cảnh quan chính của đô thị.
- Hình thành 04 khu vực tạo điểm nhấn đô thị.
- Xây dựng đa dạng các hoạt động cho không gian mở trong đô thị.
- Hình thành hệ thống không gian xanh liên hoàn và thống nhất với hệ thực vật tự nhiên.
- Kiểm soát không gian chung toàn đô thị.

7.2. Cảnh quan các trục, tuyến chính đô thị

- Trục trung tâm đô thị: Tổ chức tuyến không gian phố thị kết hợp không gian phố đi bộ, quảng trường lễ hội, quảng trường văn hóa chính trị.
- Tuyến thương mại dịch vụ phát triển: Hình thành thành không gian rộng lớn tạo bộ mặt mới cho đô thị, cùng với đó là kiến trúc hiện đại, tiếp cận tiện lợi gắn liền với các nút giao thông quảng trường.

7.3. Định hướng không gian khu vực điểm nhấn đô thị

- Công trình văn hóa chính trị huyện: Tạo lập không gian mở lớn phục vụ cho các hoạt động ngoài trời với hình thức kiến trúc mang biểu tượng đoàn kết các dân tộc đồng thời hình thành quần thể các công trình làm việc đồng nhất.
- Công trình trung tâm thương mại và đầu mối nông sản được tạo lập cảnh quan đáp ứng cho các hoạt động triển lãm, tổ chức sự kiện với các công trình kiến trúc vượt nhịp, không gian lớn cho các hội chợ, quảng bá sản phẩm hàng hoá.

- Công trình tổ hợp văn phòng và thương mại hỗn hợp: Với hình khối kiến trúc cao tầng sử dụng vật liệu hiện đại thân thiện với môi trường, thể hiện được sự phát triển năng động của đô thị.

- Các quần thể công trình kiến trúc phải tạo sự đa dạng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của khu vực.

- Phát huy giá trị các góc nhìn toàn cảnh từ trên các khu vực điểm cao.

7.4. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước

- Các khu vực tự nhiên bao quanh đô thị và phân bố rải rác trong đô thị bao gồm đồi, rừng và các dòng suối cần được bảo vệ, tôn tạo và phát huy trong quá trình đô thị hóa cũng như các hoạt động phát triển kinh tế.

- Giữ gìn tối đa mặt nước, sông, suối, kênh, mương hiện hữu.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

8.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

- Tuyến Quốc lộ 37: Giao thông liên vùng kết nối khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận theo hướng Tây Nam - Đông Bắc. Quy mô lộ giới 25,0m.

- Tuyến Đường Quang Huy - Huy Tân: Giao thông liên vùng kết nối khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận theo hướng Đông - Tây. Quy mô lộ giới 16,50 - 17,50 m.

b) Giao thông đối nội

- Tuyến đường chính đô thị: Tuyến đường phía Đông, quy mô lộ giới 40,0m.

- Tuyến giao thông liên khu vực: Lộ giới 37,0 m.

- Tuyến giao thông khu vực: Các tuyến đường có lộ giới 10,0 - 20,5m.

c) Giao thông công cộng

Quy hoạch tuyến giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt để kết nối khu vực quy hoạch với các khu vực lân cận.

d) Bãi đỗ xe liên vùng

Đề xuất dịch chuyển ra khỏi vùng lõi đô thị tương lai và dịch chuyển về phía ngã 3 của đường chính đô thị với đường Quang Huy – Huy Tân.

8.2. Quy hoạch san nền

Tuân thủ đồ án Quy hoạch chung thị trấn Phù Yên đến năm 2025, chọn cốt cao độ xây dựng cho toàn khu vực nghiên cứu $\geq 152\text{m}$. Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P=1\%$.

8.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hướng thoát nước chính: Thoát về suối phía Đông, suối Ngọt, suối Làng và đổ về suối Tắc hiện trạng.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Bố trí các tuyến cống, rãnh và cống thoát nước trên đường để thoát nước cho các khu vực phát triển.

8.4. Quy hoạch cấp nước

a) Nguồn cấp nước: Nguồn nước thô cấp cho thị trấn Phù Yên chủ yếu khai thác nguồn nước tự nhiên từ suối Ngọt, suối Làng và từ suối Tắc.

b) Trạm cấp nước

- Trạm cấp nước suối Ngọt và Trạm cấp nước Nà Xá hiện trạng. Cải tạo, nâng công suất các trạm cấp nước hiện có theo định hướng theo Quy hoạch tỉnh.

- Giai đoạn dài hạn: Dự kiến quy hoạch bổ sung 01 trạm cấp nước tại khu vực suối Làng và bổ cập nguồn nước sạch từ nhà máy nước suối Chiếu.

c) Mạng lưới cấp nước

Mạng lưới đường ống được thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn trong khu vực.

8.5. Quy hoạch cấp điện

a) Nguồn cấp điện: Trạm 110/35/22kv Phù Yên hiện trạng bố trí tại khu vực xã Tường Phù, Phù Yên.

b) Lưới điện

- Giữ nguyên hướng tuyến hiện trạng lưới điện cao thế, xác định hành lang an toàn tuân thủ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

- Hạ ngầm lưới điện trung và hạ thế theo các tuyến đường giao thông.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Về thu gom và xử lý nước thải

- Thị trấn Phù Yên sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Bố trí 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại hạ lưu các suối hiện trạng.

b) Về quản lý chất thải rắn

Phân loại CTR tại nguồn sau đó chuyển đến các trạm trung chuyển, sau đó vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung bố trí tại phía Nam ranh giới quy hoạch. Các trạm trung chuyển sơ cấp đặt tại các khu dân cư.

c) Về quy hoạch nghĩa trang

Quy hoạch 1 nghĩa trang nhân dân tập trung với quy mô khoảng 13 ha tại phía Tây Bắc của thị trấn để đáp ứng yêu cầu sử dụng đến năm 2035 và trong

tương lai. Các nghĩa trang hiện hữu theo lộ trình thực hiện đóng cửa hoặc di dời về nghĩa trang quy hoạch mới.

8.7. Thông tin liên lạc

Sử dụng tuyến cáp quang chạy dọc thị trấn. Tuyến cáp quang dự kiến hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của ngành.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Quy hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan: Với quan điểm phát triển kinh tế, phát triển khu dân cư gắn với bảo vệ môi trường, tạo điều kiện sống tốt nhất cho người dân đô thị. Bố trí các khu chức năng hợp lý hài hòa với cảnh quan xung quanh, kết nối các khu chức năng trong khu vực, đảm bảo tỉ lệ sử dụng đất hợp lý, tạo lập các không gian xanh, các trục cảnh quan, các công trình công cộng, dịch vụ,... đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt – sản xuất, bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái và các công trình lịch sử, văn hóa, biểu tượng, an ninh quốc phòng...

- Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (san nền - thoát nước mưa): Trên nguyên tắc tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp tập trung, tạo địa thể mới cho khu vực, đảm bảo các tiêu chí tiêu thoát nước hiệu quả, an toàn, phòng chống ngập lụt, mỹ quan và kinh tế.

- Quy hoạch giao thông: Đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, an toàn và kinh tế, thỏa mãn được nhu cầu lưu thông một cách thuận tiện giữa các khu chức năng, kết nối với toàn bộ hệ thống giao thông trong khu vực.

- Quy hoạch cấp điện, cấp nước: Đảm bảo cấp điện, nước sạch vệ sinh, an toàn, hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng cho toàn khu vực, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường: Thiết kế hệ thống thoát nước thải đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, vệ sinh môi trường, thu gom nước thải sản xuất, sinh hoạt tập trung về trạm xử lý của khu vực, đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Thu gom, quản lý chất thải rắn: Bố trí các điểm tập trung chất thải, dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong tương lai, đưa ra giải pháp thu gom, phân loại và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng

10.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

- Nâng cấp, cải tạo QL.37 đoạn qua trung tâm thị trấn.

- Nhóm dự án hạ tầng giao thông: Xây dựng tuyến đường chính đô thị; nâng cấp, cải tạo tuyến đường Quang Huy - Huy Tân; xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường nội khu, nội bản, đường liên bản; xây dựng cầu qua suối Ngọt đoạn từ tiểu khu 6 sang tiểu khu 5;

- Nhóm dự án hạ tầng xã hội: Cải tạo, xây dựng nhà văn hóa khu các tiểu khu; xây dựng hệ thống trường học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; dự án sân vận động huyện; dự án nhà thi đấu đa năng; trung tâm thương mại; Các dự án chỉnh trang đô thị và khu dân cư mới: phía Tây, phía Đông thị trấn, ...

- Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật khác: Dự án kè Suối Ngọt; nâng cấp trạm cấp nước sạch suối Ngọt và Nà Xá; xây dựng hệ thống cống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung; nâng cấp và bổ sung tuyến điện 35kV, trạm biến áp 35kV.

10.2. Đề xuất các nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách Nhà nước, vốn doanh nghiệp đầu tư, vốn xã hội hóa, vốn huy động hợp pháp.

11. Quy định quản lý quy hoạch: Theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm về kết quả, quy trình thẩm định, tính chuẩn xác của các thông tin số liệu trình phê duyệt quy hoạch theo quy định;

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND huyện Phù Yên trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, quản lý kiến trúc đô thị và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

2. UBND huyện Phù Yên (cơ quan lập quy hoạch)

- Tổ chức rà soát đồ án quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch cấp trên để quyết định tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc hủy bỏ theo thẩm quyền làm cơ sở quản lý quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng đồng bộ, thống nhất đảm bảo nguyên tắc kế thừa, tránh lãng phí nguồn lực lập quy hoạch.

- Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu hồ sơ quy hoạch; Hoàn thiện, chuyển giao hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan quản lý theo quy định; Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch GIS trên trang điện tử của tỉnh; Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch và triển khai cắm mốc giới quy hoạch theo quy định.

- Tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp, phân quyền và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Phù Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

Phụ lục
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH CHUNG
THỊ TRẤN PHÙ YÊN, HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2035

1. Quy định quản lý cấu trúc phát triển không gian đô thị

- Hình thành 04 phân khu đô thị. Trong đó phân khu trung tâm kế thừa một phần theo đồ án đã được phê duyệt trước khi mở rộng. Phần tiếp giáp với trục giao thông Bắc Nam được mở rộng theo hướng hỗn hợp - thương mại mật độ cao. Phân khu phía Tây Nam phát triển theo xu hướng sinh thái.

- Phát triển theo các trục và trọng tâm. Trong đó trục phát triển gồm trục Bắc- Nam và trục Đông Tây hướng vào các trung tâm chuyên ngành.

- Không gian xanh: Kiến tạo đan xen giữa cây xanh nhân tạo với cây xanh tự nhiên tạo lập môi trường sống xanh, sinh thái và phù hợp với xu hướng phát triển đô thị hiện nay.

2. Quy định quản lý kiểm soát phát triển không gian khu vực đô thị

Thị trấn Phù Yên được phân chia làm 05 phân khu như sau:

- Phân khu 1: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Đông Bắc ôm trọn các khu dân cư của xã Quang Huy hiện nay và các bản Nà Xá, bản Mo Nghè 1, bản Mo Nghè 2, Bản Cang và 1 phần của Bản Búc. Phân khu có diện tích khoảng 175,68 ha, dân số dự kiến 6.500 người.

- Phân khu 2: Là toàn bộ diện tích thị trấn Phù Yên hiện nay và phần diện tích mở rộng lấy của xã Quang Huy và xã Huy Bắc (các bản Suối Làng, Bản Mo 2 và một phần Bản Mo 1). Phân khu có diện tích khoảng 174,64 ha, có dân số dự báo khoảng 10.500 người.

- Phân khu 3: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Đông Nam ôm trọn khu dân cư của xã Quang Huy; một phần dân cư, đất nông nghiệp xã Huy Bắc và xã Huy Hạ hiện nay bao gồm các bản Chiềng Hạ 1, bản Chiềng Thượng, bản Chiềng Trung, bản Kim Tân, và 1 phần của Bản Búc. Phân khu có diện tích 228,65 ha, dân số dự kiến 7.500 người.

- Phân khu 4: Là khu vực mở rộng đô thị về phía Tây Nam ôm trọn khu dân cư của xã Huy Bắc và một phần dân cư, đất nông nghiệp của xã Huy Hạ hiện nay bao gồm các bản Phố, bản Nà Phái 1. Phân khu có diện tích 183,05 ha, dân số dự kiến 10.500 người.

- Phân Khu 5: Là khu vực mở rộng của đô thị về phía Tây và Tây Bắc, là vùng đất lâm nghiệp của xã Quang Huy và Huy Bắc hiện nay. Phân khu có diện tích 722,46 ha.

3. Quy định quản lý kiểm soát phát triển không gian các khu vực đặc thù

3.1. Đối với khu vực hành lang bảo vệ

Hành lang bảo vệ sông suối, nguồn nước, hành lang an toàn lưới điện và các hành lang an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

3.2. Đối với các di tích lịch sử, văn hóa, công trình tôn giáo tín ngưỡng

Việc bảo tồn, tôn tạo các công trình trong khu vực này cần tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Di sản văn hóa lịch sử. Các công trình xung quanh xây dựng hài hoà với công trình di tích về khối tích, tầng cao, màu sắc và vật liệu xây dựng. Khuyến khích tạo ra các không gian đi bộ kết nối với không gian xanh trong khu vực đô thị và tạo nhiều điểm nhìn đến di tích.

3.3. Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

3.3.1. Đối với nhà ở

Phân bố nhóm ở trong đô thị được định hướng theo cơ sở thực trạng hiện nay và các dự kiến phát triển trong tương lai, được phân thành 02 nhóm:

a) Nhóm ở hiện hữu

Nhóm ở hiện hữu được giữ theo thực trạng hiện nay, hạn chế các tác động thay đổi thu hồi giải phóng mặt bằng, chủ yếu đưa ra các khuyến nghị kiểm soát phát triển không gian, chiều cao khoảng lùi và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật. Định hướng kiến trúc cảnh quan cho nhóm ở hiện hữu như sau:

- Không gian ở đô thị hiện hữu:

- + Bao gồm các không gian tại trung tâm thị trấn hiện nay và dọc theo đường QL37

- + Kiểm soát kiến trúc và trật tự xây dựng

- + Nâng cấp hạ tầng và chỉnh trang mặt cắt giao thông phù hợp với điều kiện thực tế.

- Không gian làng bản đặc trưng:

- + Duy trì bản sắc không gian bao gồm: làng bản và ruộng vườn

- + Phát huy kiến trúc truyền thống để bảo vệ cảnh sắc tự nhiên

- + Kết hợp với các tổ chức du lịch để hình thành các cụm du lịch cộng đồng và phát triển hoạt động dịch vụ ẩm thực, lưu trú v.v...

b) Nhóm ở phát triển mới

Nhóm ở mới được hình thành là cơ sở quan trọng để tạo nguồn lực cho địa phương. Tuy nhiên, việc hình thành nhóm ở mới cần trách tác động tiêu cực tới cảnh quan bản sắc hiện hữu. Định hướng kiến trúc cảnh quan cho nhóm ở mới như sau:

- Nhà ở kết hợp hoạt động kinh doanh.

- Nhà ở sinh thái (nhà ở thấp tầng, kiến trúc hài hòa với không gian, cảnh quan thiên nhiên).

- Nhà ở tái định cư, đất xen kẹt: Phát triển các cụm nhà ở nhỏ, xen kẹt giữa khu dân cư với các phát triển hạ tầng mới nhằm kiểm soát đồng bộ kiến trúc cảnh quan và khai thác hiệu quả quỹ đất phát triển đô thị.

3.3.2. Đối với hệ thống cơ quan, công sở

- Trung tâm hành chính chính trị huyện Phù Yên: Trung tâm vẫn được duy trì tại vị trí hiện nay. Tuy nhiên các công trình cần được cải tạo phù hợp với cảnh quan và mang bản sắc kiến trúc địa phương.

- Trụ sở UBND thị trấn Phù Yên: Chính trang mở rộng tại vị trí của UBND xã Quang Huy.

- Các công trình trụ sở cơ quan làm việc của các phòng ban, thuế, tòa án nằm ở phía mặt đường QL37.

3.3.3. Đối với hệ thống giáo dục, đào tạo

a) Trường đào tạo chuyên nghiệp: Xây mới trường đào tạo dạy nghề tại khu vực Bản Búc.

b) Trường PTTH: Được mở rộng quy mô như xác định theo quy hoạch trước đây.

c) Hệ thống trường học bậc Tiểu học, THCS: Giữ nguyên vị trí quy mô các trường Tiểu học, THCS hiện nay trên địa bàn thị trấn (cũ) và các xã hiện nay. Xây dựng thêm 06 trường gắn với mở rộng đô thị, bao gồm 4 trường tiểu học, 2 trường THCS tại phân khu 1, phân khu 2 và phân khu 3.

d) Hệ thống trường mầm non: Đối với các trường đã có, sẽ được duy trì như hiện tại. Đối với các khu dân cư mới, khu đô thị mới: bắt buộc phải xây dựng đồng bộ. Khuyến khích phát triển các trường mầm non tư thục để tăng chất lượng giáo dục.

3.3.4. Đối với hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe

- Trong giai đoạn ngắn hạn UBND huyện giữ nguyên Bệnh viện Đa khoa II thị trấn và trung tâm y tế thị trấn tại vị trí hiện tại.

- Trong giai đoạn dài hạn trường hợp không đáp ứng được nhu cầu khám, khám chữa bệnh cho nhân dân toàn huyện Phù Yên, do Bệnh viện Đa khoa II thị trấn cũ không có khả năng mở rộng, huyện sẽ đầu tư xây dựng mới hoặc thu hút đầu tư để mở rộng đáp ứng quy mô 500 giường bệnh theo quy định của Bộ Y tế. Vị trí quy hoạch bệnh viện đa khoa Huyện được bố trí xây dựng mới theo tại phân khu 3 với quy mô 2,18 ha. Khi đó tiếp tục giữ nguyên Bệnh viện đa khoa huyện cũ hoặc điều chuyển thành Trung tâm y tế huyện.

3.3.5. Đối với hệ thống công trình văn hóa

- Bổ sung công trình văn hóa thị trấn cho thanh thiếu niên.

- Trung tâm văn hóa huyện: Xây dựng tại vị trí bản Kim Tân, gắn với hình thành sân vận động Huyện.

- Các nhà văn hóa tại các khu phố, thôn bản được duy trì như hiện nay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các quy hoạch chi tiết cần làm rõ quy mô diện tích đảm bảo các yêu cầu theo Quy chuẩn hiện hành.

3.3.6. Đối với hệ thống công trình TDTT và công viên, cây xanh

a) Công trình thể thao

- Công trình thể thao cấp huyện: Sân vận động Huyện được bố trí tại khu vực bản Kim Tân, quy mô khoảng 6,30 ha.

- Sân vận động thị trấn được bố trí tại khu vực Bản Mo 2 quy mô 3,07 ha xây dựng theo quy hoạch chi tiết.

- Sân tập luyện, sân thể thao nhỏ được bố trí đồng bộ trong các khu đất cây xanh phân tán tới từng đơn vị ở, nhóm ở trong đồ án.

- Khuyến khích các phương án xây dựng công trình với mật độ xây dựng thấp, tạo không gian sân vườn thưa thoáng, có mảng xanh lớn để cải thiện điều kiện vi khí hậu;

- Khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình có ứng dụng công nghệ mới, thân thiện môi trường; đạt yêu cầu các tiêu chí về kiến trúc xanh.

b) Công viên, cây xanh

- Phát triển các công viên bám theo suối Ngọt và có tạo lập các hồ điều hòa vừa mang tới không gian sinh thái đồng thời đảm bảo các vấn đề về thoát nước chống ngập cho đô thị.

- Công viên tổng hợp, vui chơi giải trí: được bố trí gắn với các hoạt động văn hóa đặc trưng

- Công viên đô thị. Dự kiến phân cấp theo quy mô huyện và thị trấn.

3.3.7. Đối với hệ thống thương mại, dịch vụ

- Giữ nguyên hệ thống chợ hiện nay.

- Bổ sung thêm chợ, công trình thương mại tại các đơn vị ở mới.

3.3.8. Đối với hệ thống du lịch

- Kết hợp các hoạt động du lịch như leo núi, trải nghiệm, du lịch cộng đồng nhằm mang lại sức sống cho những không gian cảnh quan đặc trưng, du lịch đồi thông Noong Cốp và các khu du lịch mới ven suối Tắc.

- Hoạt động du lịch gắn với khai thác các địa điểm, di tích lịch sử, văn hóa: Chủ yếu bảo tồn các công trình đã được xếp hạng di tích văn hóa lịch sử cách mạng

3.3.9. Đối với công trình quốc phòng, an ninh

Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất). Đảm bảo đáp ứng về mặt an ninh và phù hợp với kế hoạch phòng thủ. Các điểm cao của phòng thủ và đất quốc phòng cần được kiểm soát và bảo vệ để phục vụ công tác an ninh quốc phòng.

4. Quy định về mật độ và tầng cao xây dựng

4.1. Mật độ xây dựng

4.1.1. Quy định chung

- Các lô đất trong khu quy hoạch phải được đầu tư xây dựng theo đúng quy định về quy mô diện tích, mật độ xây dựng, và hệ số sử dụng đất phải tuân thủ các quy định về chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi theo quy hoạch được phê duyệt.

- Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành, mật độ xây dựng tối đa, tối thiểu.

4.2.2. Quy định cụ thể

a) Quy định về mật độ xây dựng:

- Đối với đất công cộng - dịch vụ đô thị: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất trường học: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất cây xanh đô thị và đơn vị ở: Mật độ xây dựng tối đa 5%.
- Đối với đất nhóm nhà ở: Mật độ xây dựng tối đa 90%.
- Đối với đất trụ sở, cơ quan: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất công nghiệp, TTCN, kho tàng: Mật độ xây dựng tối đa 60%.
- Đối với đất dịch vụ thương mại: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đất trung tâm y tế: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất trung tâm văn hóa: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất trung tâm thể thao: Mật độ xây dựng tối đa 5%.
- Trường đào tạo nghề, Trường PTTH: Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Đối với đất dịch vụ du lịch: Mật độ xây dựng tối đa 25%.
- Đối với đất an ninh và đất quốc phòng: Mật độ xây dựng tối đa 40%.

b) Quy định về tầng cao xây dựng:

Các công trình xây dựng trong khu quy hoạch phải tuân thủ các quy định về chiều cao, chỉ giới đường đỏ theo đồ án được phê duyệt. Đảm bảo hành lang an toàn tới các tuyến hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với đất công cộng - dịch vụ đô thị: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất trường học: Tầng cao tối đa 03 tầng.
- Đối với đất cây xanh đô thị và đơn vị ở: Tầng cao tối đa 01 tầng.
- Đối với đất nhóm nhà ở: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất trụ sở, cơ quan: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất công nghiệp, TTCN, kho tàng: Tầng cao tối đa 03 tầng.

- Đối với đất dịch vụ thương mại: Tầng cao tối đa 07 tầng.
- Đất trung tâm y tế: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất trung tâm văn hóa: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất trung tâm thể thao: Tầng cao tối đa 01 tầng.
- Trường đào tạo nghề, Trường PTTH: Tầng cao tối đa 05 tầng.
- Đối với đất dịch vụ du lịch: Tầng cao tối đa 03 tầng.
- Đối với đất an ninh và đất quốc phòng: Tầng cao tối đa 5 tầng./.

(Chi tiết có quy định quản lý quy hoạch kèm theo)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 879 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2514/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 92/TTr-SLĐTBXH ngày 14/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (B/c);
- TT Tỉnh uỷ (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- Như Điều 3;
- Báo Sơn La, Đài PT-TH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Hà.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Giám sát, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 (viết tắt là *Chương trình*); phát hiện kịp thời những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện chương trình theo quy định của pháp luật, qua đó kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những tồn tại, vướng mắc phát sinh trong quản lý Chương trình.

- Xác định mức độ đạt được theo các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đề ra so với kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 và Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của các huyện, thành phố.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo Chương trình thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, đạt chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực được giao.

2. Yêu cầu

- Công tác giám sát, đánh giá bám sát nội dung quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là *Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH*).

- Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác phối hợp, tham gia triển khai thực hiện công tác giám sát, đánh giá Chương trình.

- Qua giám sát, đánh giá, nắm bắt thực chất tình hình và kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, những tồn tại, hạn chế; rút ra các bài học kinh nghiệm; đề xuất các giải pháp và kiến nghị để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình tại địa phương, cơ sở.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung giám sát

- Công tác xây dựng văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình năm 2024; công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án; công

tác lập, thẩm định, phê duyệt các dự án; công tác phân bổ, giao dự toán kinh phí năm 2024.

- Kết quả thực hiện Chương trình; tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

- Công tác huy động, sử dụng vốn thực hiện Chương trình; tình hình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trong thực hiện các dự án thuộc Chương trình; công tác quản lý nguồn vốn, thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

- Việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, quản lý ngân sách Nhà nước; công tác phối hợp, hướng dẫn, giám sát, đánh giá giữa các bên liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện ở địa phương, cơ sở.

- Kết quả xử lý các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và kiến nghị nội dung khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Nội dung đánh giá

- Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; công tác phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và giám sát Chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 và kế hoạch giai đoạn 2021-2025 của huyện, thành phố.

- Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

- Phương hướng, giải pháp thực hiện năm 2025.

III. PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp và các bước giám sát

a) Phương pháp giám sát

- Thu thập các văn bản tổ chức triển khai thực hiện Chương trình của cấp huyện, xã.

- Khảo sát, kiểm tra thực địa.

- Tham vấn cán bộ cấp xã, bản về công tác triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn; công tác tuyên truyền, công khai thông tin về Chương trình.

- Tham vấn các đối tượng thụ hưởng để đánh giá mức độ tiếp cận và thụ hưởng Chương trình.

b) Các bước giám sát

- Thông báo cho Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện về Kế hoạch, chương trình giám sát.

- Thu thập thông tin về chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình.
- Lựa chọn ngẫu nhiên xã, bản để giám sát thực tế.
- Tiến hành các nội dung giám sát theo Kế hoạch.

2. Phương pháp và các bước đánh giá

Thực hiện theo nội dung quy định tại khoản a, b, c Mục 3, Phần II, Phụ lục I kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLDTBXH.

3. Thời gian giám sát, đánh giá: Trong quý III/2024.

4. Địa điểm giám sát, đánh giá: UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Dự án 7 - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình giao tại Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 và nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì xây dựng chương trình, thời gian giám sát, đánh giá theo Kế hoạch đề triển khai thực hiện. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức giám sát, đánh giá tại các huyện, thành phố, các đơn vị thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo chung kết quả sau giám sát, đánh giá Chương trình trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; cập nhật báo cáo trên Hệ thống quản lý Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc và kiểm tra kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế (nếu có) sau giám sát, đánh giá của các đơn vị.

2. Các sở, ngành là thành viên Đoàn giám sát, đánh giá

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức giám sát, đánh giá Chương trình theo Kế hoạch.

- Hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc lĩnh vực ngành chủ trì thực hiện. Tổng hợp kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do sở, ngành chủ trì, quản lý, tham gia thực hiện.

- Báo cáo kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần do sở, ngành chủ trì, quản lý, tham gia thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh: Tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình năm 2024 đối với UBND cấp xã và các đơn vị trực tiếp triển khai các dự án, tiểu dự án thành phần trên địa bàn huyện, thành phố.

- Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá của UBND huyện, thành phố báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan theo quy định.

5. UBND cấp xã

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình năm 2024 trên địa bàn xã.

- Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá của UBND cấp xã báo cáo Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng chuyên môn liên quan theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 926/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình
không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch phối hợp số 15/KHPH-TCTĐA06CP-TCTĐA06SL ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa Tổ công tác Đề án 06 Chính phủ và Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Sơn La về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, xây dựng quy trình điện tử, biểu mẫu tương tác các dịch vụ công trực tuyến lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phù hợp với dịch vụ công trực tuyến toàn trình không sử dụng hồ sơ giấy.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tuyên truyền, hướng dẫn để người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến không sử dụng hồ sơ giấy; bảo đảm 100% hồ sơ được thực hiện trực tuyến toàn trình; phối hợp với các cơ quan, đơn vị để kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu điện tử nhằm thực hiện dịch vụ công trực tuyến hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH KHÔNG SỬ DỤNG HỒ SƠ GIẤY
(Kèm theo Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Mã TTHC	DVC trực tuyến
I	Sở Giáo dục và Đào tạo			
1	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Cấp tỉnh	1.000259.000.00.00.H52	Toàn trình
2	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh	1.000711.000.00.00.H52	Toàn trình
3	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh	1.000713.000.00.00.H52	Toàn trình
4	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp tỉnh	1.000715.000.00.00.H52	Toàn trình
5	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh	1.000691.000.00.00.H52	Toàn trình
6	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Cấp tỉnh	1.000280.000.00.00.H52	Toàn trình
7	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Cấp tỉnh	1.000288.000.00.00.H52	Toàn trình
II	Sở Giao thông vận tải			
1	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	Cấp tỉnh	1.001061.000.00.00.H52	Toàn trình
2	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ GTVT	Cấp tỉnh	2.001963.000.00.00.H52	Toàn trình
III	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			
1	Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cấp tỉnh	1.010589.000.00.00.H52	Toàn trình

STT	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Mã TTHC	DVC trực tuyến
IV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
1	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Cấp tỉnh	1.003921.000.00.00.H52	Toàn trình
V	Sở Nội vụ			
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đối ngoại	Cấp tỉnh	1.012403.000.00.00.H52	Toàn trình
2	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh về thành tích đột xuất	Cấp tỉnh	1.012401.000.00.00.H52	Toàn trình
3	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề	Cấp tỉnh	1.012398.000.00.00.H52	Toàn trình
4	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh cho gia đình	Cấp tỉnh	1.012402.000.00.00.H52	Toàn trình
5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh	Cấp tỉnh	1.012392.000.00.00.H52	Toàn trình
6	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	Cấp tỉnh	1.012396.000.00.00.H52	Toàn trình
7	Thủ tục tặng Cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh theo chuyên đề	Cấp tỉnh	1.012399.000.00.00.H52	Toàn trình
8	Thủ tục tặng cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh	Cấp tỉnh	1.012393.000.00.00.H52	Toàn trình
9	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh	Cấp tỉnh	1.012395.000.00.00.H52	Toàn trình
VI	Sở Tài chính			
1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Cấp tỉnh	1.006222.000.00.00.H52	Toàn trình
VII	Sở Tư pháp			
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Cấp tỉnh	2.001417.000.00.00.H52	Toàn trình

STT	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Mã TTHC	DVC trực tuyến
VIII	Sở Thông tin và Truyền thông			
1	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Cấp tỉnh	1.004470.000.00.00.H52	Toàn trình
2	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Cấp tỉnh	1.005442.000.00.00.H52	Toàn trình
3	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Cấp tỉnh	1.010902.000.00.00.H52	Toàn trình
4	Cho phép hợp báo (trong nước)	Cấp tỉnh	2.001171.000.00.00.H52	Toàn trình
5	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Cấp tỉnh	1.009386.000.00.00.H52	Toàn trình
6	Cấp giấy phép thiết lập trang Thông tin Điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh	2.001098.000.00.00.H52	Toàn trình
7	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh	1.005452.000.00.00.H52	Toàn trình
8	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh	2.001091.000.00.00.H52	Toàn trình
9	Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh	2.001766.000.00.00.H52	Toàn trình
10	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Cấp tỉnh	2.001087.000.00.00.H52	Toàn trình
11	Thông báo thay đổi trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Cấp tỉnh	2.001684.000.00.00.H52	Toàn trình
12	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên	Cấp tỉnh	2.001681.000.00.00.H52	Toàn trình
13	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	Cấp tỉnh	1.000073.000.00.00.H52	Toàn trình

STT	Tên dịch vụ công	Cấp thực hiện	Mã TTHC	DVC trực tuyến
14	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thẻ loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Cấp tỉnh	2.001666.000.00.00.H52	Toàn trình
15	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên)	Cấp tỉnh	1.000067.000.00.00.H52	Toàn trình
16	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Cấp tỉnh	2.001765.000.00.00.H52	Toàn trình
17	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Cấp tỉnh	1.003384.000.00.00.H52	Toàn trình
IX	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh			
1	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Trường hợp: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Cấp tỉnh	1.009774.000.00.00.H52	Toàn trình
X	Sở Khoa học và Công nghệ			
1	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh	1.011818.000.00.00.H52	Toàn trình
2	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Cấp tỉnh	2.000212.000.00.00.H52	Toàn trình
3	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Cấp tỉnh	2.001207.000.00.00.H52	Toàn trình

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com